

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

● NGUYỄN THỊ THÀNH VINH

TÓM TẮT:

Những năm gần đây, thúc đẩy tài chính toàn diện (TCTD) được coi là chương trình ưu tiên hàng đầu ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. TCTD có nghĩa là tất cả các thành phần trong kinh tế đều có thể tiếp cận các dịch vụ tài chính một cách chính thức và có thể sử dụng các dịch vụ đó một cách hiệu quả. Muốn thực hiện được điều đó, rất cần có một hệ thống chính sách phát triển đồng bộ, phù hợp. Trong phạm vi bài viết, trên cơ sở phân tích những thuận lợi, khó khăn trong phát triển TCTD ở Việt Nam; tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách phát triển TCTD ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: chính sách phát triển, tài chính toàn diện, chính sách tài chính.

1. Đặt vấn đề

Lý luận và thực tiễn đã khẳng định TCTD có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo và giảm bất bình đẳng ở các quốc gia. ASEAN coi TCTD là một trong ba trụ cột để hội nhập tài chính và đã thành lập nhóm công tác về TCTD để thúc đẩy lĩnh vực này trong khu vực. Chiến lược TCTD quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Việt Nam xác định mục tiêu: “Mọi người dân và doanh nghiệp đều được tiếp cận và sử dụng an toàn, thuận tiện các sản phẩm, dịch vụ tài chính phù hợp nhu cầu, với chi phí hợp lý, do các tổ chức được cấp phép cung ứng một cách có trách nhiệm và bền vững”¹. Vấn đề đặt ra là, để thực hiện tốt mục tiêu đó, cần có sự đánh giá khách quan những thuận lợi, khó khăn của Việt Nam trong phát triển TCTD, từ đó đề ra hệ thống chính sách phát triển phù hợp.

2. Vai trò của tài chính toàn diện

Hiện nay, chưa có khái niệm thống nhất về TCTD ở các tổ chức và các quốc gia trên thế giới. Ở góc độ nghiên cứu, theo Leyshon and Thrift (1995), “TCTD là quá trình một số nhóm xã hội và cá nhân nhất định được tiếp cận với hệ thống tài chính chính thức”². Trong nghiên cứu của Sinclair xác định: “TCTD là khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính cần thiết bằng cách thức thích hợp”³. Ở góc độ tổ chức, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cho biết, TCTD nghĩa là tất cả các bộ phận dân cư - ngay cả những người có thu nhập thấp nhất - có thể tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ tài chính chính thức⁴. Ngân hàng thế giới (World Bank) quan niệm TCTD là việc cá nhân và doanh nghiệp tiếp cận đến các sản phẩm và dịch vụ tài chính hữu ích với giá cả hợp lý và đáp ứng được nhu cầu của họ về giao dịch, thanh toán,

tiết kiệm, tín dụng và bảo hiểm - và các dịch vụ sản phẩm này đều được cung cấp theo phương châm trách nhiệm và bền vững⁵. Ở góc độ quốc gia, theo Ủy ban TCTD Vương quốc Anh (FIC): TCTD là phương tiện mà mọi người có thể làm cho tiền của họ có thể sinh lời, cho phép họ tối đa hóa cơ hội, trở nên tự chủ hơn, và nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần. Do vậy, TCTD góp phần thúc đẩy sự di chuyển xã hội và nâng cao trình độ, một hệ thống phúc lợi hiệu quả hơn và khả năng phục hồi quốc gia cao hơn trước cú sốc kinh tế.

Ngân hàng Trung ương Indonesia xác định: TCTC là quyền của mỗi cá nhân tiếp cận đầy đủ các loại hình dịch vụ tài chính với đầy đủ thông tin về dịch vụ, chi phí phù hợp, kịp thời, thuận tiện và được cung ứng theo phương châm tôn trọng nhân phẩm. Tại Việt Nam, Chiến lược TCTD quốc gia xác định: “TCTD là việc mọi người dân và doanh nghiệp được tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính một cách thuận tiện, phù hợp nhu cầu, với chi phí hợp lý, được cung cấp một cách có trách nhiệm và bền vững, trong đó chú trọng đến nhóm người nghèo, người thu nhập thấp, người yếu thế, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ”¹. Mặc dù có quan niệm khác nhau, tuy nhiên các quốc gia, các tổ chức và các nhà nghiên cứu đều thống nhất khẳng định vai trò của TCTD trên một số nội dung cơ bản sau:

Một là, TCTD có vai trò tích cực tạo nên sự ổn định tài chính ở mỗi quốc gia. Vai trò này được thực hiện thông qua các cách thức chủ yếu của TCTD:

- Làm gia tăng tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ, góp phần đa dạng hóa tài sản của hệ thống ngân hàng, từ đó làm giảm mức độ rủi ro tổng thể của danh mục cho vay của hệ thống ngân hàng;
- Gia tăng số lượng khách hàng gửi tiết kiệm nhỏ làm tăng quy mô và độ ổn định của cơ sở tiền gửi, từ đó giảm sự phụ thuộc của hệ thống ngân hàng vào các nguồn huy động vốn dễ biến động trong thời kỳ khủng hoảng;
- Tăng phạm vi tiếp cận tài chính góp phần ổn định cơ chế truyền dẫn của chính sách tiền tệ, tạo nền tảng tài chính vững chắc.

Hai là, TCTD có vai trò quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Các nghiên cứu gần đây đã chỉ rõ, TCTD có tương quan tỷ lệ thuận với tăng trưởng và việc làm. Đối với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam, TCTD có vai trò quan trọng trong việc tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính của khu vực có thu nhập thấp, qua đó góp phần xóa đói, giảm nghèo và thúc đẩy phát triển kinh tế. TCTD giúp tạo điều kiện cho mọi người tham gia vào nền kinh tế và hệ thống tài chính, từ đó tạo động lực cho khu vực tài chính phát triển hơn và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế thông qua huy động nguồn tiết kiệm và đầu tư vào tăng trưởng ở các khu vực có hiệu quả.

Ba là, TCTD góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển bền vững. Theo nội dung chương trình Nghị sự năm 2030 của Đại hội đồng Liên hiệp quốc, ngày 25/9/2015 về sự phát triển bền vững, được 193 quốc gia thành viên phê chuẩn đã nêu nên 17 mục tiêu về phát triển bền vững. Nội dung chương trình Nghị sự này đã khẳng định: việc tiếp cận tài chính dễ dàng là “chìa khóa” quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững ở các quốc gia. Cụ thể, TCTD góp phần loại bỏ đói nghèo; giảm tình trạng thiếu đói và tăng cường an ninh lương thực; đạt được sức khỏe và hạnh phúc; tăng cường giáo dục có chất lượng; gia tăng bình đẳng giới.

3. Thực trạng tài chính toàn diện ở Việt Nam

Việc phát triển TCTD ở Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Cụ thể là:

Hệ thống tổ chức tín dụng Việt Nam phát triển nhanh, nhiều loại hình, bao phủ rộng khắp. Hiện nay, hệ thống tổ chức tín dụng ở Việt Nam gồm: 7 ngân hàng thương mại nhà nước; 41 ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân; ngân hàng hợp tác xã; 51 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng 100% vốn nước ngoài và ngân hàng liên doanh; công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính, trên 1.182 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở,... Tính đến hết năm 2020, toàn hệ thống có gần 11.110 chi nhánh và phòng giao dịch, 19.636 máy ATM, 276.273 máy POS, hơn 90.000 điểm chấp nhận QR code, 1.181 quỹ tín dụng nhân dân và hơn 500 tổ chức, chương trình, dự án tài chính vi mô đang hoạt động,

được phân bố ở khắp các tỉnh, thành phố, địa phương trong cả nước⁶.

Ở khu vực nông thôn, theo kết quả điều tra nông nghiệp, nông thôn giữa kỳ năm 2020, tại thời điểm ngày 01/7/2020, cả nước có 1.836 xã có ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân hoạt động, chiếm 22,13% tổng số xã trên địa bàn nông thôn, tăng 2,01 điểm phần trăm so với ngày 01/7/2016. Hệ thống tín dụng, ngân hàng nông thôn thực sự là nguồn cung ứng vốn quan trọng hỗ trợ kinh tế - xã hội nông thôn phát triển. Kết quả điều tra cho thấy, tỷ lệ hộ được vay vốn cho hoạt động nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm trong tổng số hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản ở khu vực nông thôn có nhu cầu vay vốn của hệ thống tín dụng, ngân hàng đã tăng từ 53,92% năm 2016 lên 76,22% năm 2020⁷.

Số lượng tài khoản thanh toán cá nhân tăng nhanh, góp phần thu hút vốn nhàn rỗi từ mọi tầng lớp dân cư và tạo điều kiện mở rộng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt. Tính đến ngày 31/3/2021, số lượng tài khoản thanh toán khách hàng cá nhân (là các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn đang hoạt động của cá nhân mở tại ngân hàng để sử dụng các dịch vụ thanh toán do ngân hàng cung ứng (như dịch vụ thẻ, dịch vụ thanh toán bằng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt ngoài thẻ) tại các ngân hàng ghi nhận 104,189 triệu tài khoản, tăng 13,349 triệu tài khoản so với cùng kỳ năm 2020. Đặc biệt, số dư tài khoản thanh toán cá nhân đạt 741.378 tỷ đồng, tăng gần 75.000 tỷ đồng, tương đương với 11,2% so với cuối năm trước và tăng mạnh 264.855 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương ứng tăng 55,5%. Điều này cho thấy các ngân hàng huy động được nguồn vốn giá rẻ khá lớn.

Ngoài ra, tốc độ tăng trưởng thẻ ATM nội địa trong 3 tháng đầu năm 2021 tăng 2 triệu thẻ, lên 96 triệu thẻ và thẻ quốc tế đang lưu hành tăng 1 triệu thẻ, lên 18 triệu thẻ⁸. Để thúc đẩy các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, ngành Ngân hàng đã có kế hoạch chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 70% các nghiệp vụ ngân hàng cho phép khách hàng có thể thực hiện hoàn toàn trên

môi trường số; ít nhất 80% người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử; ít nhất 80% số lượng giao dịch của khách hàng được thực hiện thông qua các kênh số; ít nhất 70% quyết định giải ngân, cho vay của ngân hàng thương mại, công ty tài chính đối với các khoản vay nhỏ lẻ, vay tiêu dùng của khách hàng cá nhân được thực hiện theo hướng số hóa, tự động... Đây là định hướng phù hợp nhằm nâng cao tiện ích cho người dùng dịch vụ tài chính trên không gian số.

Các dịch vụ tín dụng được thực hiện thông qua các nghiệp vụ đa dạng (như: Cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng, bao thanh toán, nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp, phát hành thẻ tín dụng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác) tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận các nguồn vốn. Tính đến cuối tháng 8/2020, dư nợ tín dụng tiêu dùng của các tổ chức tín dụng đạt hơn 1,71 triệu tỷ đồng (chiếm khoảng 19,98% so với tổng dư nợ của nền kinh tế), tăng 2,37% (tương đương 23,11 nghìn tỷ đồng) so với thời điểm cuối năm 2019. Tính chung giai đoạn 2012 - 2020, tín dụng tiêu dùng tăng trung bình 20%/năm. Các công ty tài chính tiêu dùng ở Việt Nam đang phục vụ khoảng gần 30 triệu khách hàng trên toàn quốc⁹. Dư nợ tín dụng đối với các lĩnh vực ưu tiên đều có xu hướng tăng: Tín dụng lĩnh vực nông nghiệp nông thôn đạt 2.277.404 tỷ đồng, chiếm 24,77% tổng dư nợ nền kinh tế, tăng 169,84% so với cuối năm 2015 (bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 18,17%). Tín dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ đạt 1.819.152 tỷ đồng, chiếm 19,6% tổng dư nợ nền kinh tế, tăng 72,91% so với cuối năm 2015 (bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 15,66%)¹⁰.

Bên cạnh một số kết quả đáng ghi nhận, việc phát triển TCTD ở Việt Nam hiện còn một số vấn đề tồn tại. Đó là, nhận thức của người dân, nhất là người dân khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo về TCTD còn nhiều hạn chế. Dẫn đến một thực tế đó là năm 2020, tuy 70% người trưởng thành ở Việt Nam có tài khoản ngân hàng, nhưng gần một nửa trong số đó không tiếp cận được với tín dụng. Theo Agribank, hơn 70% dân số tập

trung ở khu vực nông thôn, nhưng tỷ lệ tiếp cận dịch vụ ngân hàng hiện đại của khu vực này rất hạn chế¹¹.

Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch ngân hàng phân bố không đồng đều giữa các tỉnh, thành, giữa các vùng miền. Đa phần các chi nhánh, phòng giao dịch ngân hàng tập trung tại địa bàn thành phố, nơi dân cư đông đúc và kinh tế phát triển. Chất lượng dịch vụ ngân hàng còn thấp, giao dịch qua ATM, POS còn hạn chế, sai sót trong quá trình sử dụng dịch vụ. Mạng lưới máy POS, ATM mới được trang bị chủ yếu ở thành thị, nơi dân cư tập trung lớn, còn tại khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo, lượng máy POS, ATM rất hạn chế. Bên cạnh đó, vấn đề đánh mất thông tin, vấn đề bảo mật, an toàn khi sử dụng cũng là một vấn đề làm cho người dân e ngại sử dụng các dịch vụ ngân hàng hiện đại¹².

Hành lang pháp lý liên quan đến các hoạt động thanh toán điện tử, thanh toán qua thẻ, cho vay tiêu dùng,... còn thiếu và chưa đồng bộ, gây nhiều trở ngại cho người dân, doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng, ngân hàng. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, hành lang pháp lý về những vấn đề mới như: bảo vệ người tiêu dùng trong lĩnh vực tài chính, bảo vệ dữ liệu người dùng, chuẩn kết nối mở... chưa được ban hành khiến người dân chưa thực sự tin tưởng vào các giao dịch tài chính, làm hạn chế sự tiếp cận và sử dụng các dịch vụ của các tổ chức tài chính.

4. Một số giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển tài chính toàn diện ở Việt Nam

Thứ nhất, đẩy mạnh các hoạt động giáo dục tài chính, nâng cao năng lực và kiến thức tài chính cho người dân. Theo đó, các cơ quan nhà nước, các tổ chức tín dụng cần có chính sách phối hợp để thực hiện tốt việc truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về tài chính cho các đối tượng, ở khắp các vùng, miền. Nghiên cứu lồng ghép nội dung giáo dục tài chính vào chương trình giáo dục phổ thông quốc gia. Đẩy mạnh các chương trình truyền thông giáo dục, phổ biến kiến thức tài chính cho mọi người dân và doanh nghiệp. Chú trọng nâng cao kỹ năng tài chính, đặc biệt là các công cụ quản trị rủi ro, bảo hiểm, cho thuê tài chính... cho

người sản xuất nông nghiệp, người làm kế toán và quản lý tài chính của các hợp tác xã. Tăng cường vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên trong việc giáo dục tài chính.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý nhằm tạo môi trường thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu TCTD. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và số hóa ngành ngân hàng cần tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc nhận biết khách hàng và xác thực nhân thân khách hàng trong môi trường số; về tiền điện tử và tài khoản tiền điện tử... Nghiên cứu và ban hành quy định về bảo vệ người tiêu dùng tài chính, trong đó xác định rõ cơ chế bảo vệ người tiêu dùng tài chính trước sự đối xử không công bằng của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính; minh bạch hóa cách thức tiếp cận và giải quyết hiệu quả tranh chấp của các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính đối với người tiêu dùng tài chính.

Thứ ba, hoàn thiện cơ sở hạ tầng tài chính, đáp ứng yêu cầu thúc đẩy TCTD. Tập trung vào hoàn thiện hạ tầng thanh toán, đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động ngân hàng điện tử để tạo niềm tin và bảo vệ người tiêu dùng tài chính. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác của tài chính. Xây dựng cơ sở dữ liệu TCTD quốc gia dựa trên bộ chỉ tiêu thống kê về mức độ tiếp cận, sử dụng và chất lượng dịch vụ tài chính. Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia thống nhất, trên nền tảng công nghệ hiện đại, tích hợp đầy đủ thông tin từ các tổ chức tín dụng trong ngành ngân hàng, từng bước mở rộng các nguồn thông tin từ các tổ chức ngoài ngành; cung cấp kịp thời, đa dạng các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với từng loại hình tổ chức tín dụng.

Thứ tư, phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính. Có chính sách khuyến khích các ngân hàng cung cấp tài khoản thanh toán không chịu phí duy trì tài khoản và số dư tài khoản tối thiểu, liên kết với thẻ ATM cho người về hưu, người hưởng trợ cấp xã hội, người già, người nghèo, học sinh, sinh viên và những đối tượng yếu thế khác...

để sử dụng các dịch vụ gửi tiền, rút tiền, chuyển tiền giá trị nhỏ, nhận lương hưu, trợ cấp xã hội và thanh toán hóa đơn dịch vụ tiện ích. Đẩy mạnh thanh toán bằng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cá nhân và doanh nghiệp đối với thu, nộp thuế, phí, lệ phí, thu phạt hành chính, thanh toán hóa đơn định kỳ (điện, nước, viễn thông, học phí). Phát triển các sản phẩm cho vay tiêu dùng phù hợp với đối tượng vay tiêu dùng, có mức lãi suất hợp lý, góp phần ngăn chặn “tín dụng đen”. Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất - kinh doanh.

Thứ năm, triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ phát triển TCTD. Cần có chính sách lồng ghép thực hiện các mục tiêu TCTD vào các chương trình xây dựng nông thôn mới. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho triển khai các mục tiêu TCTD. Đẩy

mạnh hợp tác về TCTD với các quốc gia trong khu vực, trên thế giới và các tổ chức quốc tế để thúc đẩy TCTD ở Việt Nam.

5. Kết luận

Phát triển TCTD ở Việt Nam hiện nay là yêu cầu tất yếu, khách quan, phù hợp với xu thế chung của thế giới. Hoạt động này nhằm đa dạng các tổ chức cung ứng, kênh phân phối, sản phẩm, dịch vụ tài chính do các tổ chức được cấp phép cung ứng, để nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng của những người chưa được tiếp cận hoặc ít được tiếp cận với các sản phẩm, dịch vụ tài chính. Từ đó, góp phần thực hiện tốt chủ trương của Đảng, Nhà nước phát triển kinh tế nhanh, bền vững gắn với tiến bộ và công bằng xã hội. Các chủ thể tham gia cần nhận thức sâu sắc, đầy đủ về TCTD, phối hợp xây dựng, triển khai đồng bộ hệ thống chính sách hỗ trợ để TCTD phát triển theo đúng định hướng, đạt được những mục tiêu chiến lược đã xác định ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Chính phủ (2020). Quyết định số 149/QĐ-TTg, ngày 22/1/2020, về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Hà Nội.

²Leyshon, A. and Thrift, N. (1995). Geographies of financial exclusion: financial abandonment in Britain and the United States. *Transactions of the Institute of British Geographers*, 312-341.

³Sinclair, S. P. (2001). Financial exclusion: An introductory survey. CRSIS, Edinburgh College of Art/Heriot Watt University. Retrieved from: https://www.academia.edu/7086629/Financial_Exclusion_An_Introductory_Survey.

⁴ADB (2017). Accelerating financial inclusion in South-East Asia with digital finance. Asian Development Bank: Philippines, 1- 86.

⁵World Bank (2018). Financial inclusion Overview. Retrieved from: <https://www.worldbank.org/en/topic/financialinclusion/overview>.

⁶Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2020). Báo cáo hoạt động ngân hàng năm 2020 định hướng năm 2021, ngày 26/12/2020 tại Hà Nội.

⁷Tổng cục Thống kê (2021). Thông cáo báo chí về kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020. Truy cập tại: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/06/thong-cao-bao-chi-ve-ket-qua-dieu-tra-nong-thon-nong-nghiep-giua-ky-nam-2020/>

⁸Ngân hàng Nhà nước (2021). Báo cáo số dư tài khoản thanh toán cá nhân tại các ngân hàng cuối quý 1 năm 2021.

⁹Nguyễn Hoàng Vĩnh Lộc, Đinh Văn Hoàn (2021). Phát triển tín dụng tiêu dùng của các tổ chức tín dụng ở Việt Nam. *Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ*, 7, 22-27.

¹⁰Trần Thị Thanh Hương, Nguyễn Thúy Quỳnh, Nguyễn Việt Hoa (2020). Tác động của tài chính toàn diện và các nhân tố khác tới tăng trưởng kinh tế. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, 12, 1-12,59.

¹¹ Agribank (2020). Báo cáo thường niên 2020. Truy cập tại: <https://www.agribank.com.vn/>

¹² Phạm Thị Hoàng Anh, Trần Thị Thắng (2019). Tiếp cận tài chính toàn diện tại các tỉnh đồng bằng Sông Hồng. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, 202, 8-44.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, II*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2021). *Quyết định số 810/QĐ-NHNN, ngày 11/5/2021, Phê duyệt “Kế hoạch chuyển đổi số ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*, Hà Nội.
3. Dư Thị Lan Quỳnh (2021). *Tác động của tài chính toàn diện đối với sự ổn định của hệ thống ngân hàng*. Luận án Tiến sĩ tài chính ngân hàng. Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 19/3/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 10/4/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 22/4/2022

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN THỊ THÀNH VINH

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên

IMPROVING FINANCIAL INCLUSION DEVELOPMENT POLICIES IN VIETNAM

● Master. **NGUYEN THI THANH VINH**

Thai Nguyen University of Economics and Business Administration

ABSTRACT:

In recent years, promoting financial inclusion has been prioritized in many countries, including Vietnam. Financial inclusion means that individuals and businesses can officially access financial services and can use them effectively. To achieve this goal, it is necessary to have a synchronous and appropriate system of development policies. This paper analyzes the advantages and disadvantages of the development of financial inclusion in Vietnam. This paper proposes some solutions to improve financial inclusion development policies in Vietnam in the coming time.

Keywords: development policy, financial inclusion, fiscal policy.